

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

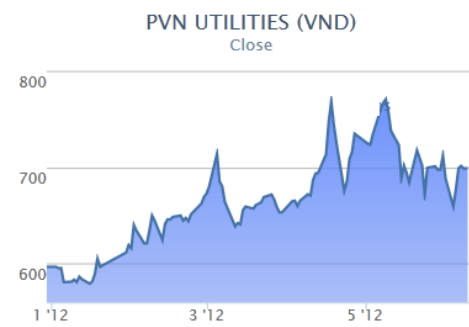
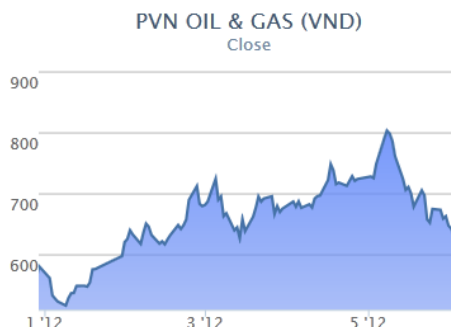


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	836.8	↓ -1.79	↓ -0.21
PVN All-Share Continuous	692.47	↓ -0.81	↓ -0.12
PVN All-Share	673.03	↓ -0.68	↓ -0.1
PVN All-Share HSX	702.23	↓ -1.37	↓ -0.19
PVN All-Share HNX	641.62	↑ 0.26	↑ 0.04
PVN Vật Liệu Cơ Bản	985.51	↑ 8.7	↑ 0.89
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	887.32	↓ -7.04	↓ -0.79
PVN Tài Chính	652.95	↓ -3.7	↓ -0.56
PVN Công Nghiệp	567.99	↓ -2.88	↓ -0.51
PVN Dầu Khí	619.32	↓ -0.29	↓ -0.05
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	677.64	↓ -15.82	↓ -2.28

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	427.61 ↓	-0.55	-0.13%
KLGD (triệu ck)	84.09 ↑	26.96	47.20%
GTGD (tỷ đồng)	1,444.65 ↑	606.22	72.30%
Tổng cung (triệu ck)	57.61 ↓	-4.80	-7.69%
Tổng cầu (triệu ck)	62.01 ↓	-3.41	-5.22%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.84 ↑	1.03	36.84%
KL bán (triệu ck)	8.42 ↑	2.54	43.15%
Giá trị mua (tỷ đồng)	93.35 ↑	12.59	15.59%
Giá trị bán (tỷ đồng)	175.96 ↑	35.17	24.98%

Nhận định thị trường:

Một số tin tức thế giới đáng chú ý:

Tập đoàn kiểm Deloitte Touche Tohmatsu Limited cảnh báo rằng nếu cộng cả các khoản lãi suất phải trả cho số tiền nợ, tổng khoản nợ thực tế của Chính phủ liên bang Mỹ hiện đã ở mức xấp xỉ 16.000 tỷ USD.

Sau khi hạ 3 bậc tín nhiệm của Tây Ban Nha xuống “BBB” và hạ xếp hạng của hai ngân hàng lớn nhất nước này là Santander và BBVA, Fitch tiếp tục hạ xếp hạng tín nhiệm 18 ngân hàng Tây Ban Nha.

WB cho rằng, có thể nền kinh tế toàn cầu sẽ còn bất ổn trong một thời gian dài khi khủng hoảng nợ công châu Âu lên cao. WB dự báo, các nền kinh tế đang phát triển sẽ chỉ tăng trưởng 5,3% trong năm nay so với 6,1% trong năm 2011

Diễn biến trong nước:

Phiên hôm nay, thanh khoản khớp lệnh của thị trường vẫn không được cải thiện. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh tới hơn 82 tỷ đồng trên sàn HSX. Lượng bán ròng của khối ngoại tập trung mạnh trên nhóm cổ phiếu bluechips và tạo sức ép lớn đối với thị trường. Đáng chú ý, nhiều mã cổ phiếu không nằm trong danh sách thay đổi danh mục của FTSE cũng bị bán mạnh với lượng bán chiếm tỷ lệ lớn so với thanh khoản cổ phiếu (như STB, ITA, VND...)

Theo một thống kê từ bloomberg, các Quỹ đầu tư tiếp tục rút khỏi thị trường Hàn Quốc(-2,109 tỷ USD), Đài Loan(-2,904 tỷ USD), Indonesia(-871.20 triệu USD), Thailand(-419,18 triệu USD), Philippines(-124.10 triệu USD) và Việt Nam là (-43 triệu USD – tương đương khoảng 860,20 tỷ đồng) trong thời gian từ 14/5 – 12/6.

Khối ngoại vẫn tiếp tục gia tăng lượng bán ròng trên HSX, tạo sức ép lớn lên các cổ phiếu bluechips trên sàn này. Áp lực thoái vốn ngắn hạn từ khối ngoại đang khá rõ nét. Trong bối cảnh thanh khoản thị trường không có sự cải thiện nào đáng kể thì nguy cơ giảm trong ngắn hạn vẫn hiện hữu. VN-index có hỗ trợ tại 411 điểm, còn HNX-Index có hỗ trợ tại 70 điểm, tương ứng với fibonacci 50%. NĐT ngắn hạn nên giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục.

Công Ty CPCI Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

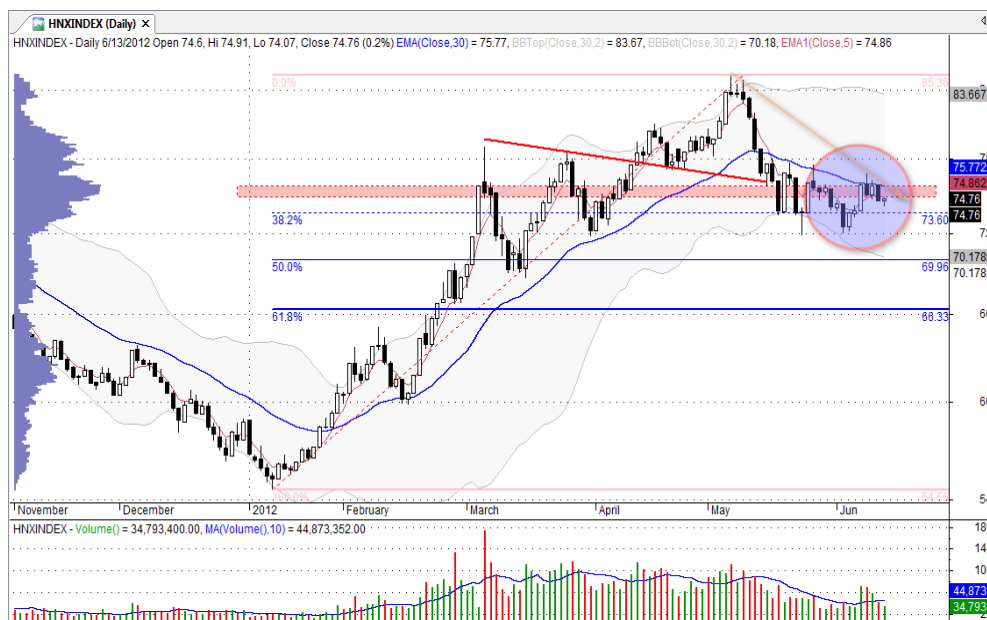
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	74.76	↑ 0.16	0.21%
KLGD (triệu ck)	37.61	↓ -5.83	-13.41%
GTGD (tỷ đồng)	392.96	↓ -65.08	-14.21%
Tổng cung (triệu ck)	64.64	↓ -16.90	-20.73%
Tổng cầu (triệu ck)	65.77	↑ 3.85	6.21%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.04	↑ 1.40	85.85%
KL bán (triệu ck)	1.63	↑ 0.16	11.23%
Giá trị mua (tỷ đồng)	36.92	↑ 18.04	95.56%
Giá trị bán (tỷ đồng)	19.60	↑ 1.99	11.27%



Đồ thị HNX-Index.

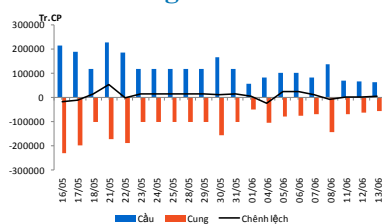
HNX-Index phục hồi nhẹ trở lại trong phiên hôm nay do không phải chịu áp lực bán ròn mạnh như sàn HSX. Về mặt kỹ thuật, chỉ số HNX-Index có thể sẽ kiểm chứng lại vùng 74 – 76 điểm với sự dao động khá lâu ở vùng này trong điều kiện không có yếu tố tác động đột biến. Tuy nhiên, thanh khoản HNX lại giảm trở lại với mức giảm khá mạnh là một yếu tố cho thấy việc vượt qua vùng 74 – 76 điểm đang gặp nhiều trở ngại.

Mặc dù vậy, xét trên tín hiệu kỹ thuật của nhiều cổ phiếu bluechips trên HNX thì có một số điểm khá tương đồng: mặc dù thanh khoản các cổ phiếu đều giảm mạnh nhưng giá cổ phiếu lại đang có chiều hướng dao động, tích lũy quanh vùng hỗ trợ mạnh. Chính vì vậy, hiện tại vẫn chưa có nhiều tín hiệu cho thấy HNX-Index có khả năng giảm sâu.

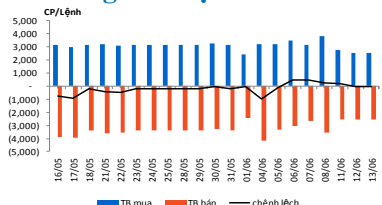
Nhà đầu tư tạm thời chưa nên tham gia vào thị trường và cần theo sát các diễn biến sắp tới. Tín hiệu tăng mạnh của thanh khoản khớp lệnh sẽ là yếu tố tích cực với HNX-Index. Ngược lại, nếu có dấu hiệu giảm mạnh 15, - 2% trên chỉ số thì NĐT ngắn hạn nên nhanh chóng giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục. HNX-Index có khả năng dao động trong khoảng 70 – 75 điểm.

HSX:

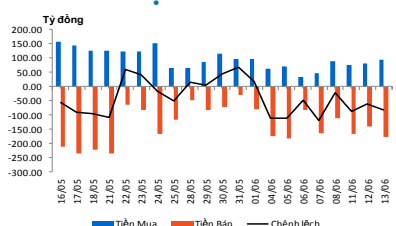
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

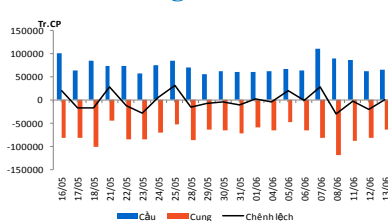


Giao dịch NĐTNN

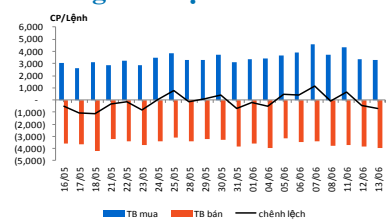


HNX:

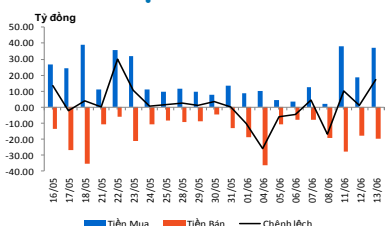
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

VN-Index chỉ tăng 1.57 điểm trong đợt khớp lệnh đầu tiên, tương ứng 0.37% đạt 429.73 điểm. Thị trường chỉ có hơn 50 mã tăng giá ... Giao dịch vốn vện 1.18 triệu đơn vị, tương đương 17.47 tỷ đồng.

Phiên giao dịch buổi sáng, VN-Index đã có lúc giảm sâu hơn hơn 4 điểm, lùi về dưới 425 điểm, nhưng đã đảo chiều ngoạn mục vào cuối buổi khi tăng 0.66 điểm, tức 0.15% tạm chốt ở 428.82 điểm. Thanh khoản bao gồm cả giao dịch thỏa thuận đạt hơn 46.72 triệu đơn vị, tương đương 823 tỷ đồng, khớp lệnh chỉ đạt khoảng 30 triệu đơn vị, trị giá hơn 420 tỷ đồng. Thị trường chỉ có 72 mã tăng giá, 109 mã giảm giá, và trên 100 mã đứng tại mốc tham chiếu.

Kết phiên, VN-Index giảm 0.55 điểm, tương đương 0.13% xuống 427.61 điểm. Thanh khoản đạt 84 triệu đơn vị tương đương 1,444.7 tỷ đồng. Tuy nhiên trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm tới hơn phân nửa giá trị với 785.3 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

15 phút đầu phiên, HNX-Index tăng 0.18 điểm, tương đương 0.24% đạt 74.78 điểm. Giao dịch đạt khoảng 3 triệu đơn vị, trị giá 28.5 tỷ đồng. PVX bất ngờ nhất với hơn 1 triệu đơn vị chuyển nhượng, đồng thời giá giữ nguyên mốc tham chiếu.

Phiên sáng, sàn HNX dù chỉ có 65 mã tăng giá, nhưng trong đó có VND, VCG, ACB, SCR PVS... cùng với việc PVX, KLS, SHB, HBB... quay lại mốc tham chiếu đã giúp HNX-Index cũng đảo chiều và tăng nhẹ 0.08 điểm lên 74.68 điểm. Giao dịch vẫn ở mức rất thấp, với 22.58 triệu đơn vị, tương đương 239 tỷ đồng. Trong đó, PVX chiếm tỷ trọng lớn nhất với gần 5 triệu đơn vị.

Kết phiên, HNX-Index kịp thời đảo chiều thành công sau đợt khớp lệnh liên tục, tăng nhẹ 0.21% tương đương 0.16 điểm lên 74.76 điểm. Không có các giao dịch thỏa thuận, thanh khoản trên HNX giảm mạnh chỉ còn 37.6 triệu đơn vị, trị giá vốn vện 393 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 9 cổ phiếu tăng giá, 10 cổ phiếu đứng giá và 9 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PPE (tăng 5,77%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PGD (giảm 4,06%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,08% và tổng khối lượng giao dịch đạt 11,016 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 13/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	6,000.0	300	↑ 1.69	0.53	16.22	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,600.0	22,700	↓ -2.70	0.35	32.73	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,600.0	225,700	→ 0.00	0.33	0.55	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,100.0	249,500	↑ 0.43	1.89	1.54	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,400.0	48,800	↓ -2.19	1.24	8.48	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	100	↑ 5.77	0.50	3.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,400.0	107,000	→ 0.00	0.53	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,200.0	98,972	↓ -0.61	0.97	2.42	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,700.0	40,350	→ 0.00	2.05	5.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,400.0	176,600	→ 0.00	0.79	8.92	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,800.0	72,500	↑ 1.62	0.81	9.49	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,400.0	3,000	↓ -1.54	0.61	3.00	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,900.0	682,100	→ 0.00	1.34	4.25	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,400.0	6,911,075	↓ -0.95	0.46	3.91	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	36,400.0	33,550	↑ 0.28	2.94	11.67	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,000.0	337,550	↑ 0.89	2.03	5.49	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,800.0	30,430	↑ 1.46	1.28	3.38	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	38,400	→ 0.00	0.73	6.20	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,600.0	174,160	↓ -0.79	0.72	3.10	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,100.0	199,550	↓ -4.06	1.62	4.68	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,700.0	289,890	↓ -1.72	0.56	4.42	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,700.0	80,770	→ 0.00	1.14	6.62	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,600.0	1,374,440	↓ -1.56	1.11	15.95	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,700.0	409,280	→ 0.00	0.58	51.82	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,300.0	79,300	↑ 4.29	0.70	4.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,700.0	36,990	↑ 1.52	0.61	3.49	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,400.0	77,340	→ 0.00	0.86	3.42	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	15,980	→ 0.00	0.62	4.47	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
STB	24,500	23,300	-4.90	483,986,738
HSG	20,900	20,200	-3.35	47,362,212
SSI	21,800	21,700	-0.46	26,185,201
ITA	7,400	7,300	-1.35	24,551,062
REE	16,000	16,000	0.00	23,226,851

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
PVX	10,500	10,400	-0.95	71,901
VND	11,600	11,700	0.86	45,183
VCG	12,700	12,900	1.57	27,659
SCR	14,800	14,700	-0.68	24,067
KLS	10,500	10,500	0.00	20,623

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CYC	2,000	2,100	100	5.00
VFC	8,000	8,400	400	5.00
FMC	14,000	14,700	700	5.00
ALP	8,100	8,500	400	4.94
AGF	28,600	30,000	1,400	4.90

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
LIG	10,000	10,700	700	7.00
SDE	10,200	10,900	700	6.86
PMC	22,000	23,500	1,500	6.82
VE1	4,400	4,700	300	6.82
VDL	33,900	36,200	2,300	6.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,900	1,800	-100	-5.26
NSC	40,600	38,600	-2,000	-4.93
DCL	12,200	11,600	-600	-4.92
TLG	20,400	19,400	-1,000	-4.90
STB	24,500	23,300	-1,200	-4.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NDN	10,100	9,400	-700	-6.93
CVN	8,700	8,100	-600	-6.90
VAT	4,400	4,100	-300	-6.82
SGC	18,000	16,800	-1,200	-6.67
HDA	7,600	7,100	-500	-6.58

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
REE	13,387	STB	84,583
CTG	10,977	REE	13,599
EB	7,308	ITA	10,105
DPM	7,127	HAG	9,294
PGD	6,726	PGD	6,732

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VCG	18,658	VND	13,893
PVX	11,254	AAA	1,028
PVS	3,518	VNR	883
DBC	1,146	PVS	831
VC1	349	SDT	773

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339